

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 12-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Mai và ông Trần Hồng Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Óng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức S, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1958 và bà Lê Thị T, sinh năm 1962; có vợ là Đinh Thị Thanh P (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 09/09/2020 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép (*chưa chấp hành xong*); nhân thân: Ngày 17/12/2007 bị Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 tháng về tội “ *Cướp giật tài sản*”, đã chấp hành xong hình phạt và được xoá án tích. Ngày 12/06/2018 bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đã chấp hành xong hình phạt và được xoá án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/05/2023; hiện đang tạm giam - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị T - Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật sư H; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ánh T3; Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Trang Công H; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Ông Nguyễn Văn Đ E; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2019, Nguyễn Đức S (sinh năm 1989, trú tại thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) được bà Nguyễn Thị Ánh T3 (sinh năm 1971, trú tại thôn 3, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) thuê lái xe ô tô tải nhãn hiệu ChangLong, biển kiểm soát 79H - 006.67, để vận chuyển, giao nhận hàng hóa theo yêu cầu. Ngày 27/01/2023, bà T3 yêu cầu S điều khiển xe ô tô nói trên đến huyện C, tỉnh Gia Lai chở trụ tiêu về giao cho khách hàng ở huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Sau khi giao hàng xong. Ngày 30/01/2023, do cần tiền tiêu xài nên S đã nhờ Nguyễn Văn Đấu E (tên thường gọi là Đ) giới thiệu nơi cầm cố xe ô tô. Tin tưởng xe ô tô là tài sản của vợ chồng S nên Đấu E liên hệ ông Trang Công H để hỏi về việc cầm cố xe thì ông H đồng ý. Ngày 30/01/2023, Đ và S điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 79H - 006.67 đến cửa hàng cầm đồ của ông Trang Công H để cầm cố xe vay số tiền 100.000.000 đồng. S nói với ông H xe ô tô là tài sản của vợ chồng S. Ông H hỏi giấy tờ xe vì sao mang tên ông Cao Ngọc T4 thì S nói đã ký hợp đồng mua bán nhưng chưa sang tên giấy tờ. Tin tưởng xe ô tô là tài sản của S nên ông H đồng ý cho cầm cố xe ô tô để vay tiền, thống nhất đến ngày 07/02/2023 S phải trả tiền để chuộc lại xe. S giao giấy tờ xe, chìa khóa xe và để lại xe cho ông H quản lý. Đến ngày 31/01/2023, S đặt vấn đề vay thêm 150.000.000 đồng và được ông H đồng ý, cả hai thống nhất ghi bổ sung vào hợp đồng cầm cố, S viết thêm nội dung về việc vay 150.000.000 đồng vào giấy vay tiền. Đến chiều ngày 31/01/2023 S liên hệ vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng và được ông H đồng ý. Ông H giao tiền, S viết tay thêm nội dung trên vào giấy vay tiền. Sợ bà T3 phát hiện nên S báo đã giao trụ tiêu và đang chờ bốc hàng đầu nạnh nhưng bằng chuyển của kho hàng bị hỏng nên chưa nhận được hàng. Do thời gian lâu nhưng S không đưa xe về nên bà T3 nghi ngờ S chiếm đoạt xe ô tô của mình mang đi bán. Ngày 07/02/2023, bà T3 định vị thấy xe ô tô đang ở khu vực Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên đã thuê anh Ngô Văn P lên vị trí của xe để chạy xe về. Khi này không thấy S hay ai khác quản lý xe nên bà T3 đưa chìa khóa phụ của xe cho anh P lái xe về tổ dân phố 12, phường K, thành phố Buôn Ma Thuột. Bà T3 nhiều lần gọi điện yêu cầu S đưa giấy tờ xe về trả lại cho bà T3 thì được biết, xe ô tô đã bị S cầm cố cho ông Trang Công H,

giấy tờ xe do ông H giữ. Lúc này, ông Trang Công H phát hiện xe ô tô 79H - 006.67 do mình nhận cầm cố của S không còn ở trước cửa hàng cầm đồ nên trình báo vụ việc trộm cắp tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Đối với số tiền 300.000.000 đồng nhận được từ việc cầm cố xe, S cho anh Nguyễn Văn Đ E mượn 30.000.000 đồng, số tiền còn lại S sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân và tham gia đánh bạc tại sòng bạc Campuchia.

Tại bản kết luận giám định số: 265/KL-KTHS, ngày 11/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Đức S trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1.1, M1.2, M2) do cùng một người viết ra.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 15/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Đắk Mil kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 79H-006.67 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 1.487.543.400 đồng.

Vật chứng, đồ vật tài liệu thu giữ: Cơ quan điều tra đã tạm giữ xe ô tô BKS 79H-006.67; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 79012616 mang tên Cao Ngọc Trí đối với xe ô tô BKS 79H-006.67; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EA0535295 đối với xe ô tô BKS 79H-006.67 và 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy A31, Số Imei 1: 354565112144831, số Imei 2: 354566112144839, gắn sim 0974334499 do Nguyễn Đức S sử dụng.

Cáo trạng số 56/CT-VKSĐN-P2 ngày 30-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức S từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T3, là chủ sở hữu hợp pháp: Xe ô tô BKS 79H-006.67; 01 giấy chứng nhận đăng ký; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Trả lại 01 điện thoại Sam sung Galaxy A31 cho chị Nguyễn Thị Bích V là chủ sở hữu hợp pháp.

Về phần dân sự: Bà Nguyễn Thị Ánh T3 không yêu cầu Nguyễn Đức S bồi thường; ông Trang Công H tại phiên toà không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan tố tụng làm rõ nên về tội danh mà Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Về tình tiết giảm nhẹ đồng ý với quan điểm của Đại diện viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Về số tiền yêu cầu bị cáo phải trả hai bên đã tự thoả thuận nên không có yêu cầu giải quyết về phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa và không bào chữa, tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 27/01/2023 Nguyễn Đức S được bà Nguyễn Thị Ánh T3, tin tưởng giao xe ô tô biển kiểm soát 79H - 006.67 để vận chuyển hàng hóa. Sau khi giao hàng xong, các ngày 30 và 31/01/2023, S đã mang xe ô tô biển kiểm soát 79H - 006.67 đến cầm cố cho ông Trang Công H, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để lấy 300.000.000 đồng, giá trị xe ô tô biển kiểm soát 79H - 006.67 ở thời điểm S cầm cố là 1.487.543.400 đồng. Số tiền trên S đã sử dụng hết vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức S đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;...

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo có đầy đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích có tiền tiêu sài mà bị cáo đã dùng tài sản được bị hại tin tưởng giao cho quản lý, vận hành mang đi cầm cố. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị T3 được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị kết án nhiều lần, có 01 tiền sự, nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường chi phí cho bị hại cũng như khắc phục cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trang Công H số tiền 124.000.000 đồng, còn 176.000.000 đồng hai bên đã tự thỏa thuận và được bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T3, là chủ sở hữu hợp pháp: Xe ô tô BKS 79H-006.67; 01 giấy chứng nhận đăng ký; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Trả lại 01 điện thoại Sam sung Galaxy A31 cho chị Nguyễn Thị Bích V là chủ sở hữu hợp pháp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ánh T3 không yêu cầu Nguyễn Đức S bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét; về số tiền người

có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trang Công H yêu cầu Nguyễn Đức S phải trả do hai bên đã tự thỏa thuận và ông Trang Công H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong vụ án còn có một số nội dung được giải quyết như sau :

Đối với Nguyễn Văn Đ Ecó hành vi chỉ dẫn bị cáo mang xe ô tô đến cầm cố cho Trang Công H, tuy nhiên kết quả điều tra đã chứng minh được Nguyễn Văn Đ Ekhông có vai trò đồng phạm, vì vậy không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với hành vi bị cáo mang tiền cầm cố xe sang Campuchia cùng Nguyễn Văn Đ Eđánh bạc và thua hết. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết, nhưng cơ quan điều tra chưa thu thập được đủ tài liệu chứng minh hành vi đánh bạc của bị cáo ở Campuchia, nên cơ quan điều tra đã có Quyết định tách hành vi của bị cáo để tiếp tục kiểm tra xác minh nguồn tin, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với đơn tố cáo của ông Trang Công H về hành vi trộm cắp xe ô tô của bà Nguyễn Thị Ánh T3. Kết quả điều tra đã chứng minh được hành vi của bà Nguyễn Thị Ánh T3, không có dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản, nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với ông Trang Công H có hành vi nhận cầm cố xe ô tô không bảo đảm theo quy định của pháp luật, xét thấy đây là vi phạm hành chính, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã chuyển thông tin đến Công an huyện Đ xác minh, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với Bà Nguyễn Thị Ánh T3 có hành vi mua xe ô tô tải của ông Cao Ngọc với giá 1.570.000.000 đồng, nhưng chỉ kê khai giá trị của hợp đồng là 280.000.000 đồng. Nội dung nêu trên có dấu hiệu của hành vi trốn thuế, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã thông báo đến cơ quan có thẩm quyền tỉnh Khánh Hòa kiểm tra, xử lý theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức S 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/05/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T3, là chủ sở hữu hợp pháp: Xe ô tô BKS 79H-006.67; 01 giấy chứng nhận đăng ký; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Trả lại 01 điện thoại Sam sung Galaxy A31 cho chị Nguyễn Thị Bích V.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Đức S phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Chiến